

Số: 38 /2022/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Vĩnh Long**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 05/TTr-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Hiệu lực thi hành

a) Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2022.

b) Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 44/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Vĩnh Long. / *mul*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Trang tin HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Nghiêm



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH VINH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Vĩnh Long**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND
ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân (HĐND), bao gồm:

1. Chi hoạt động kỳ họp HĐND;
2. Chi hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND, các Ban HĐND và Tổ đại biểu HĐND;
3. Chi phục vụ hội nghị, các phiên họp, cuộc họp của Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND;
4. Chi tiếp công dân tại trụ sở HĐND cấp tỉnh, HĐND cấp huyện, HĐND cấp xã và tại địa bàn ứng cử; lấy ý kiến tham gia các dự án luật, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương;
5. Chi tiếp xúc cử tri theo chương trình, kế hoạch của Thường trực HĐND các cấp;
6. Một số chế độ chi khác đảm bảo hỗ trợ các điều kiện cần thiết cho hoạt động của HĐND các cấp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chế độ, định mức chi tiêu trong quy định này được áp dụng đối với hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của HĐND các cấp được

thực hiện từ kinh phí được giao hàng năm. Các khoản chi thuộc HĐND cấp nào thì do ngân sách cấp đó đảm bảo, được dự toán ngân sách hàng năm và quyết toán với ngân sách cùng cấp.

2. Việc chi tiêu đảm bảo đúng danh mục, đối tượng, định mức tại quy định này và các quy định khác có liên quan của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đảm bảo sử dụng có hiệu quả, công khai minh bạch, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Các chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND các cấp không có trong quy định này được thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu HĐND và các quy định khác có liên quan của văn bản pháp luật hiện hành.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chi hoạt động kỳ họp HĐND

1. Chi bồi dưỡng Chủ tọa và Thư ký kỳ họp:

a) Chủ tọa kỳ họp: Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; cấp huyện (huyện, thị xã, thành phố): 120.000 đồng/người/buổi; cấp xã (xã, phường, thị trấn): 100.000 đồng/người/buổi.

b) Thư ký kỳ họp: Cấp tỉnh: 120.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 80.000 đồng/người/buổi.

2. Tiền ăn cho đại biểu HĐND; đại biểu mời tham dự kỳ họp HĐND; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, phóng viên báo, đài phục vụ kỳ họp HĐND (kỳ họp thường kỳ, chuyên đề). Mức chi cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

Số lượng người phục vụ kỳ họp do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định.

3. Chi xây dựng tờ trình, dự thảo nghị quyết do các Ban HĐND trình HĐND; cuộc họp thẩm tra của các Ban HĐND; soạn thảo, hoàn chỉnh báo cáo thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo trình kỳ họp HĐND; rà soát, hoàn chỉnh nghị quyết của HĐND để ban hành:

a) Chi xây dựng tờ trình, dự thảo nghị quyết do các Ban HĐND trình HĐND:

a1) *Đối với nghị quyết thuộc văn bản quy phạm pháp luật:* Áp dụng mức chi theo quy định hiện hành;

a2) *Đối với nghị quyết thuộc văn bản cá biệt:* Cấp tỉnh: 300.000 đồng/tờ trình kèm dự thảo nghị quyết; cấp huyện: 200.000 đồng/tờ trình kèm dự thảo nghị quyết; cấp xã: 100.000 đồng/tờ trình kèm dự thảo nghị quyết.

a3) *Đối với nghị quyết sửa đổi, bổ sung:* Cấp tỉnh: 200.000 đồng/tờ trình kèm dự thảo nghị quyết; cấp huyện: 150.000 đồng/tờ trình kèm dự thảo nghị quyết; cấp xã: 100.000 đồng/tờ trình kèm dự thảo nghị quyết.

a4) *Đối với nghị quyết về xác nhận kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi làm nhiệm vụ:* Mức chi cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã: 100.000 đồng/tờ trình kèm dự thảo nghị quyết.

b) Chi soạn thảo, hoàn chỉnh báo cáo thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã trình kỳ họp HĐND:

b1) *Đối với nghị quyết thuộc văn bản quy phạm pháp luật:* Áp dụng mức chi theo quy định hiện hành;

b2) *Đối với nghị quyết thuộc văn bản cá biệt, báo cáo trình kỳ họp HĐND:*

Đối với dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ nghị quyết đã ban hành: Cấp tỉnh: 200.000 đồng/báo cáo; Cấp huyện: 150.000 đồng/báo cáo; Cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo;

Đối với nghị quyết mới hoặc thay thế, báo cáo trình kỳ họp HĐND: Cấp tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo; cấp huyện: 250.000 đồng/báo cáo; cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo;

Đối với báo cáo có tính chất phức tạp (cấp tỉnh), mức chi 500.000 đồng/báo cáo.

c) Chi cho cuộc họp thẩm tra của các Ban HĐND:

c1) *Người chủ trì:* Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 120.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi;

c2) *Thành viên, thư ký, khách mời:* Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 90.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi;

c3) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, phóng viên báo, đài phục vụ: Cấp tỉnh: 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 60.000 đồng/người/buổi.

d) Chi rà soát, hoàn chỉnh nghị quyết của HĐND để ban hành: Cấp tỉnh: 150.000 đồng/dự thảo nghị quyết; cấp huyện: 100.000 đồng/dự thảo nghị quyết; cấp xã: 100.000 đồng/dự thảo nghị quyết.

4. Chi soạn thảo và hoàn chỉnh báo cáo tổng hợp ý kiến của đại biểu HĐND thảo luận tại Tổ đại biểu trước và trong kỳ họp HĐND: Cấp tỉnh: 200.000 đồng/báo cáo; cấp huyện: 150.000 đồng/báo cáo; cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo.

5. Chi soạn thảo và hoàn chỉnh báo cáo của các Ban HĐND nghiên cứu, đề xuất Thường trực HĐND tỉnh cho chủ trương xây dựng nghị quyết đối với các tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết của UBND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Mức chi 200.000 đồng/báo cáo.

6. Hỗ trợ đại biểu HĐND tự nghiên cứu tài liệu kỳ họp HĐND: Cấp tỉnh: 500.000 đồng/kỳ họp thường kỳ; cấp huyện: 300.000 đồng/kỳ họp thường kỳ; cấp xã: 200.000 đồng/kỳ họp thường kỳ.

Điều 5. Chi hoạt động giám sát, khảo sát

1. Chi hoạt động giám sát:

a) Chi xây dựng văn bản giám sát:

a1) Soạn thảo quyết định, kế hoạch, đề cương của cuộc giám sát theo chương trình và cuộc giám sát đột xuất: Cấp tỉnh: 500.000 đồng/quyết định kèm kế hoạch và đề cương; cấp huyện: 300.000 đồng/quyết định kèm kế hoạch và đề cương; cấp xã: 150.000 đồng/quyết định kèm kế hoạch và đề cương.

a2) Soạn thảo, hoàn chỉnh báo cáo kết quả cuộc giám sát của đoàn giám sát: Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo; cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo; cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.

a3) Xây dựng, hoàn chỉnh báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết về chương trình hoạt động giám sát của HĐND trình tại kỳ họp (Báo cáo của Thường trực HĐND): Cấp tỉnh 500.000 đồng/báo cáo; cấp huyện 300.000 đồng/báo cáo; cấp xã 200.000 đồng/báo cáo.

a4) *Mức chi xây dựng văn bản giám sát của Tổ đại biểu HĐND cấp tỉnh và cấp huyện:*

Soạn thảo quyết định, kế hoạch, đề cương của cuộc giám sát theo chương trình và cuộc giám sát đột xuất: Cấp tỉnh: 400.000 đồng/quyết định kèm kế hoạch và đề cương; cấp huyện: 250.000 đồng/quyết định kèm kế hoạch và đề cương;

Soạn thảo, hoàn chỉnh báo cáo kết quả cuộc giám sát: Cấp tỉnh: 400.000 đồng/báo cáo; cấp huyện: 250.000 đồng/báo cáo.

b) Chi bồi dưỡng hoạt động của đoàn giám sát:

b1) *Trưởng đoàn giám sát hoặc người chủ trì buổi làm việc:* Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 120.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

b2) *Thành viên, thư ký, khách mời đoàn giám sát:* Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 90.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

b3) *Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, phóng viên báo, đài phục vụ hoạt động giám sát:* Cấp tỉnh: 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 60.000 đồng/người/buổi.

c) Chi tiền ăn các cuộc họp đóng góp dự thảo báo cáo, xem xét báo cáo kết quả hoạt động giám sát:

c1) *Người chủ trì:* Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 120.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi;

c2) *Thành viên, thư ký, khách mời:* Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 90.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi;

c3) *Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, phóng viên báo, đài phục vụ:* Cấp tỉnh: 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 60.000 đồng/người/buổi.

2. Chi hoạt động khảo sát:

a) Chi xây dựng văn bản khảo sát:

a1) *Soạn thảo quyết định, kế hoạch, đề cương của cuộc khảo sát theo chương trình và cuộc khảo sát đột xuất:* Cấp tỉnh: 300.000 đồng/quyết định kèm kế

hoạch và đề cương; cấp huyện: 200.000 đồng/quyết định kèm kế hoạch và đề cương; cấp xã: 100.000 đồng/quyết định kèm kế hoạch và đề cương.

a2) *Soạn thảo, hoàn chỉnh báo cáo kết quả cuộc khảo sát của đoàn khảo sát:* Cấp tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo; cấp huyện: 200.000 đồng/báo cáo; cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo.

a3) *Mức chi xây dựng văn bản khảo sát của Tổ đại biểu HĐND cấp tỉnh và cấp huyện:*

Soạn thảo quyết định, kế hoạch, đề cương của cuộc khảo sát theo chương trình và cuộc khảo sát đột xuất: Cấp tỉnh: 300.000 đồng/quyết định kèm kế hoạch và đề cương; cấp huyện: 200.000 đồng/quyết định kèm kế hoạch và đề cương;

Soạn thảo, hoàn chỉnh báo cáo kết quả cuộc khảo sát: Cấp tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo; cấp huyện: 200.000 đồng/báo cáo.

b) Chi bồi dưỡng hoạt động của đoàn khảo sát:

b1) *Trưởng đoàn khảo sát hoặc người chủ trì buổi làm việc:* Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 120.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 90.000 đồng/người/buổi.

b2) *Thành viên, thư ký, khách mời đoàn khảo sát:* Cấp tỉnh: 90.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

b3) *Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, phóng viên báo, đài phục vụ hoạt động khảo sát:* Mức chi cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

c) Chi tiền ăn các cuộc họp đóng góp dự thảo báo cáo, xem xét báo cáo kết quả hoạt động khảo sát:

c1) *Người chủ trì:* Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 120.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 90.000 đồng/người/buổi.

c2) *Thành viên, thư ký, khách mời:* Cấp tỉnh: 90.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

c3) *Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, phóng viên báo, đài phục vụ:* Cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

3. Chi giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và giải quyết kiến nghị của cử tri:

a) Nghiên cứu vụ việc phản ánh của đơn, thư; xây dựng kế hoạch giám sát, báo cáo kết quả giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo, mức chi 200.000 đồng/báo cáo.

b) Đề xuất xử lý, giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri; báo cáo tổng hợp kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri, mức chi 200.000 đồng/báo cáo.

c) Đi xác minh, thu thập thông tin phục vụ giám sát và xử lý đơn, thư: 70.000 đồng/người/buổi.

Điều 6. Chi công tác phí, hội nghị

1. Chi thanh toán công tác phí, xăng dầu:

Đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp huyện được triệu tập hoặc mời dự hoạt động kỳ họp; hoạt động giám sát, khảo sát; các cuộc hội họp, tiếp xúc cử tri của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND được thanh toán tiền công tác phí, xăng dầu theo quy định hiện hành do bên triệu tập hoặc mời dự chi trả. Trường hợp Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh), Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện có bố trí phương tiện phục vụ thì không thanh toán xăng dầu.

2. Hội nghị Thường trực HĐND các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long do tỉnh đăng cai tổ chức:

a) Tiền ăn cho đại biểu, cán bộ, công chức, người lao động, phóng viên báo, đài: Thực hiện theo Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 184/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Vĩnh Long.

b) Chế độ phòng nghỉ thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Chi xây dựng báo cáo tham luận của Thường trực HĐND, Ban HĐND:

a) Hội nghị giao ban cấp khu vực, cấp tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo.

b) Hội nghị giao ban cấp huyện: 200.000 đồng/báo cáo.

4. Chi tiền ăn Hội nghị trao đổi kinh nghiệm giữa Thường trực HĐND cấp tỉnh với Thường trực HĐND cấp huyện và giữa Thường trực HĐND cấp huyện với Thường trực HĐND cấp xã; chi cho hoạt động chất vấn, xem xét trả lời chất vấn và hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND; cuộc họp của Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND:

a) Người chủ trì: Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 120.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Đại biểu mời dự họp, thư ký cuộc họp: cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 80.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 60.000 đồng/người/buổi.

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, phóng viên báo, đài tham mưu, giúp việc hội họp. Mức chi cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã: 60.000 đồng/người/buổi.

5. Hội nghị tham vấn ý kiến nhân dân:

a) Xây dựng kế hoạch, nội dung: 300.000 đồng/kế hoạch.

b) Xây dựng báo cáo kết quả hội nghị tham vấn: 200.000 đồng/báo cáo.

c) Thuê mượn hội trường, bàn ghế, trang trí, nước uống: Chi theo mức cao nhất của Hội nghị tiếp xúc cử tri cấp tỉnh, tối đa không quá 2.000.000 đồng/cuộc.

d) Người chủ trì: 150.000 đồng/người/buổi.

đ) Người am hiểu về lĩnh vực có liên quan được mời tham gia hoạt động tham vấn: 90.000 đồng/người/buổi.

e) Người được mời tham vấn: 70.000 đồng/người/buổi.

g) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, phóng viên báo, đài phục vụ hội nghị: 50.000 đồng/người/buổi.

Điều 7. Chi tiếp công dân tại Trụ sở HĐND cấp tỉnh, HĐND cấp huyện, HĐND cấp xã và tại nơi ứng cử; lấy ý kiến tham gia các dự án luật, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương

1. Chi tiếp công dân tại Trụ sở HĐND cấp tỉnh, HĐND cấp huyện, HĐND cấp xã và tại nơi ứng cử:

a) Đại biểu HĐND, lãnh đạo các cơ quan liên quan được phân công tiếp công dân: 90.000 đồng/người/buổi.

b) Cán bộ, công chức được phân công trực tiếp giúp việc, phục vụ đại biểu tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi.

2. Chi lấy ý kiến tham gia các dự án luật, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương:

a) Người chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi.

b) Đại biểu mời dự họp và thư ký: 90.000 đồng/người/buổi.

c) Góp ý bằng văn bản theo yêu cầu của người chủ trì: 200.000 đồng/bài.

d) Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh: 200.000 đồng/báo cáo.

đ) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, phóng viên báo, đài phục vụ cuộc họp: Mức chi cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

3. Chi soạn thảo, hoàn chỉnh báo cáo cấp tỉnh rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hàng năm: 200.000 đồng/báo cáo.

Điều 8. Chi tiếp xúc cử tri theo chương trình, kế hoạch của Thường trực HĐND các cấp

1. Tiền thuê mượn hội trường, bàn ghế, trang trí, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác tại các điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND. Cấp tỉnh phối hợp với cấp huyện hoặc cấp xã thì tỉnh chi, cấp huyện phối hợp với cấp xã thì huyện chi:

a) Cuộc tiếp xúc có dưới 100 cử tri: Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/cuộc; cấp huyện: 700.000 đồng/cuộc; cấp xã: 500.000 đồng/cuộc.

b) Cuộc tiếp xúc có từ 100 cử tri trở lên: Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/cuộc; cấp huyện: 1.500.000 đồng/cuộc; cấp xã: 700.000 đồng/cuộc.

c) Chi tiếp xúc cử tri bằng hình thức trực tuyến: 700.000 đồng/1 điểm cầu.

2. Chi cho đại biểu HĐND tham gia tiếp xúc cử tri; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, chính quyền, cơ quan, tổ chức được mời đến giải trình ý kiến, kiến nghị của cử tri:

a) Đại biểu HĐND ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định, thực hiện khoản chi tiếp xúc cử tri: Cấp tỉnh: 4.500.000 đồng/người/năm; cấp huyện: 1.200.000 đồng/người/năm; cấp xã: 500.000 đồng/người/năm.

Đối với năm cuối nhiệm kỳ, chi 50% mức chi cho đại biểu HĐND.

b) Đại diện chính quyền, cơ quan, tổ chức được mời. Cấp nào mời cấp đó chi: Cấp tỉnh: 80.000 đồng/người/cuộc; cấp huyện: 70.000 đồng/người/cuộc; cấp xã: 60.000 đồng/người/cuộc.

c) Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì cuộc tiếp xúc cử tri. Cấp tỉnh phối hợp với cấp huyện hoặc cấp xã thì tỉnh chi, cấp huyện phối hợp với

cấp xã thì huyện chi: Cấp tỉnh: 90.000 đồng/người/cuộc; cấp huyện: 80.000 đồng/người/cuộc; cấp xã: 70.000 đồng/người/cuộc.

3. Chi cho cán bộ, công chức, người lao động phục vụ hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND, cấp nào phân công phục vụ cấp đó chi: Cấp tỉnh: 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 60.000 đồng/người/buổi.

Số lượng người giúp việc, phục vụ tại 1 điểm tiếp xúc cử tri và cuộc tiếp xúc cử tri chuyên đề do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định.

4. Chi tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri sau mỗi đợt tiếp xúc:

a) Thường trực HĐND: Cấp tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo; cấp huyện: 200.000 đồng/báo cáo; cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo.

b) Tổ đại biểu HĐND: Cấp tỉnh: 100.000 đồng/báo cáo; cấp huyện: 70.000 đồng/báo cáo.

Điều 9. Chi hỗ trợ đối với đại biểu HĐND các cấp; cán bộ, công chức và người lao động phục vụ hoạt động HĐND các cấp

1. Mỗi nhiệm kỳ HĐND, mỗi đại biểu HĐND tỉnh được cấp một máy tính; đối với cấp huyện do HĐND cùng cấp quyết định trên cơ sở nguồn kinh phí của địa phương. Khi thực hiện phải theo quy định hiện hành; về thời gian, loại máy, cách thức cấp do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định.

2. Chi hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ cho đại biểu HĐND: Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/đại biểu/năm; cấp huyện: 700.000 đồng/đại biểu/năm; cấp xã: 500.000 đồng/đại biểu/năm.

Đối với đại biểu HĐND 02 cấp thì được hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ theo đại biểu HĐND cấp cao hơn. Đối với năm cuối nhiệm kỳ, chi 50% mức chi cho đại biểu HĐND.

3. Chi may lễ phục:

a) Mỗi nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND được hỗ trợ tiền may 02 bộ lễ phục, với mức chi: Cấp tỉnh: 6.000.000 đồng/đại biểu; cấp huyện: 5.000.000 đồng/đại biểu; cấp xã: 4.000.000 đồng/đại biểu.

Đối với đại biểu HĐND 02 cấp thì được hỗ trợ tiền may lễ phục theo đại biểu HĐND cấp cao hơn.

b) Mỗi nhiệm kỳ HĐND, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Văn phòng phục vụ hoạt động của HĐND được hỗ trợ tiền may 02 bộ lễ phục, với mức chi: Cấp tỉnh: 4.000.000 đồng/người; cấp huyện và cấp xã: 3.000.000 đồng/người.

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động: Cấp tỉnh tính theo biên chế; cấp huyện 04 người; cấp xã 02 người.

4. Hỗ trợ thông tin, báo chí: Đại biểu HĐND được hỗ trợ phí truy cập thông tin, tài liệu liên quan: Cấp tỉnh 200.000 đồng/đại biểu/tháng; cấp huyện và cấp xã mỗi đại biểu được cấp 01 tờ báo "Đại biểu nhân dân" và 01 tờ báo địa phương/mỗi kỳ phát hành.

Điều 10. Chế độ chi khác phục vụ hoạt động HĐND các cấp

1. Chi cho người am hiểu về lĩnh vực có liên quan được mời làm tư vấn về chuyên môn, kỹ thuật, giúp Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh thẩm tra, giám sát; chi đối với chuyên gia phục vụ hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh:

a) Chi cho người am hiểu về lĩnh vực có liên quan được mời làm tư vấn về chuyên môn, kỹ thuật, giúp Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh thẩm tra, giám sát. Tùy theo nội dung, tính chất công việc: Chuyên đề không phức tạp: 500.000 đồng/chuyên đề; chuyên đề lớn, phức tạp: 1.500.000 đồng/chuyên đề. Đối tượng mời, mức chi do Thường trực HĐND tỉnh quyết định.

b) Chi đối với chuyên gia phục vụ hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh: Tùy theo nội dung và tính cấp thiết của chuyên đề do Thường trực HĐND tỉnh quyết định, tối đa không quá 4.000.000đ/chuyên đề. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐND tỉnh ký hợp đồng với chuyên gia.

2. Chi chế độ thăm hỏi:

a) Chi thăm bệnh: Ngoài chế độ được hưởng theo quy định hiện hành, các đối tượng sau đây được chi hỗ trợ:

a1) *Thăm hỏi đại biểu HĐND đương nhiệm, đại biểu HĐND chuyên trách đã nghỉ hưu khi ốm đau.* Mức chi: Cấp tỉnh 2.000.000 đồng/lần; cấp huyện 1.500.000 đồng/lần; cấp xã 1.000.000 đồng/lần; trường hợp bị bệnh hiểm nghèo chi không quá 3 lần mức chi từng cấp. Số lần thăm không quá 02 lần/năm.

a2) *Thăm hỏi cha, mẹ đẻ, cha, mẹ vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng của đại biểu HĐND đương nhiệm khi ốm đau.* Mức chi: Cấp tỉnh 1.000.000 đồng/lần; cấp huyện 700.000 đồng/lần; cấp xã 500.000 đồng/lần; trường hợp bị bệnh hiểm nghèo chi không quá 3 lần mức chi từng cấp. Số lần thăm không quá 01 lần/năm.

a3) *Đối tượng là cán bộ, công chức công tác ở Trung ương và cán bộ, công chức ở ngoài tỉnh có quan hệ công tác với HĐND tỉnh.* Mức chi: 1.000.000 đồng/lần. Đối tượng cụ thể do Thường trực HĐND tỉnh quyết định. Số lần thăm không quá 01 lần/năm.

b) Chi phúng điếu: Các đối tượng sau đây nếu từ trần thì gia đình được trợ cấp:

b1) *Đại biểu HĐND đương nhiệm, đại biểu HĐND chuyên trách đã nghỉ hưu; cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng của đại biểu HĐND đương nhiệm, đại biểu HĐND chuyên trách đã nghỉ hưu.* Mức chi: Cấp tỉnh 3.000.000 đồng; cấp huyện 2.000.000 đồng; cấp xã 1.500.000 đồng.

b2) *Đối tượng là cán bộ, công chức công tác ở Trung ương và cán bộ, công chức ở trong và ngoài tỉnh có quan hệ công tác với HĐND tỉnh.* Mức chi 2.000.000 đồng. Đối tượng cụ thể do Thường trực HĐND tỉnh quyết định.

c) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác tại Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, cấp xã đang công tác hoặc nghỉ hưu:

c1) *Chi thăm bệnh:* Ngoài chế độ được hưởng theo quy định hiện hành, các đối tượng nêu trên được chi hỗ trợ như mức chi đối với đại biểu HĐND cùng cấp.

c2) *Chi phúng điếu:* Ngoài chế độ được hưởng theo quy định hiện hành, các đối tượng nêu trên được chi hỗ trợ như mức chi đối với đại biểu HĐND cùng cấp.

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đương nhiệm công tác tại Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tính theo biên chế; tại Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện 04 người; cấp xã 02 người. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đã nghỉ hưu được hưởng chế độ nêu trên phải là người đã trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND tại Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, cấp xã cho đến thời điểm nghỉ hưu.

3. Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân tích cực trong hoạt động của HĐND: Đối tượng, số lượng khen thưởng do Thường trực HĐND đề nghị UBND cùng cấp chi theo quy định hiện hành.

4. Chi tặng quà lưu niệm cho đại biểu HĐND và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác tại Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, cấp xã (trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND) khi kết thúc nhiệm kỳ, với mức chi: Cấp tỉnh 2.000.000 đồng/người, cấp huyện 1.500.000 đồng/người, cấp xã 1.000.000 đồng/người. Số lượng đại biểu HĐND các cấp tính đến thời điểm cuối nhiệm kỳ; số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác tại Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tính theo biên chế, tại Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện 04 người, cấp xã 02 người.

5. Đại biểu chuyên trách HĐND các cấp và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND tại Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, cấp xã khi chuyển công tác khác hoặc nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm, với mức chi: Cấp tỉnh 2.000.000 đồng/người; cấp huyện 1.500.000 đồng/người; cấp xã 1.000.000 đồng/người.

6. Chi trao đổi học tập kinh nghiệm về hoạt động của HĐND thực hiện theo chế độ hiện hành. Ngoài chế độ chi theo quy định hiện hành, cấp tỉnh và tương đương được chi tặng quà lưu niệm khi đi trao đổi, học tập kinh nghiệm và khi các đoàn công tác của tỉnh bạn đến trao đổi, học tập kinh nghiệm: 3.000.000 đồng/1 điểm đến. Đối với cấp huyện và tương đương, cấp xã và tương đương được chi tặng quà lưu niệm khi đi trao đổi, học tập kinh nghiệm không quá 2.000.000 đồng/1 điểm đến ngoài tỉnh./.